

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST

Ngày 18-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Ngoan, bà Phùng Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: ông Nông Xuân Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 24/2021/TLST-HS ngày 19/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2021/QĐXXST-HS ngày 04/6/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hồ Mí S, tên gọi khác Hầu Mí S, sinh ngày 12/02/1994, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn H, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành Trưởng lão; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Chá P (đã chết) và bà Thào Thị S1, sinh năm 1962; có vợ là Ly Thị M, sinh năm 1993, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/12/2020; có mặt.

2. Họ và tên: Thò Thị C, sinh ngày 22/7/1985, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn T, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Sía C1 (đã chết) và bà Vừ Thị P1, sinh năm 1954; có chồng là Ly Mí S2, sinh năm 1986, có 06 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/12/2020; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C: ông Nguyễn Xuân G

- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: chị Vừ Thị B, sinh năm 1992; nơi cư trú thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại:* ông T, Luật sư Văn phòng luật sư T và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*

1. *Người làm chứng:* chị Ly Thị M, chị Vàng Thị V1; có mặt, bà Lầu Thị X; vắng mặt không có lý do.

2. *Người phiên dịch tiếng Mông:* bà Vừ Thị M1, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 7, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2018, Hồ Mí S sang Trung Quốc lao động làm thuê tại P, Trung Quốc, trong quá trình làm việc tại đây S quen một người đàn ông Trung Quốc tên là "D" (*khoảng 40 tuổi, không rõ họ tên, địa chỉ*) và một người phụ nữ tên Vừ Thị D1 (*khoảng 30 tuổi, người dân tộc Mông, Trung Quốc không rõ địa chỉ cụ thể*). Qua nói chuyện thì người đàn ông tên D cho biết cần tuyển người lao động làm thuê và bảo S về Việt Nam có ai muốn đi làm đưa sang Trung Quốc cho D và sẽ trả công cho 10 NDT/người, S đồng ý, rồi 02 người cho nhau số điện thoại để liên lạc và kết bạn với nhau qua Wechat.

Sau khi trở về Việt Nam đến tháng 11/2020 S đến khu công nghiệp Đ, tỉnh Bắc Giang tìm việc làm thuê. Ngày 14/11/2020, S dùng tài khoản Facebook tên "V" kết bạn được với một người phụ nữ dùng tài khoản Facebook "KOJKUV" sau này S biết được tên người đó là Vừ Thị B, sinh năm 1992, trú tại xã P, huyện S, tỉnh Sơn La đang làm công nhân tại tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, S thường xuyên tán tỉnh yêu đương với B qua facebook và gọi video qua hệ thống messenger. Ngoài ra S còn dùng số điện thoại 0333.781.054 để gọi điện nói chuyện với B (số điện thoại 0369.710.543), S giới thiệu và nói dối B tên là V (*lúc nói nhà ở Thái Nguyên, lúc lại nói ở Bắc Cạn hoặc Cao Bằng*).

Qua các cuộc nói chuyện tâm sự, biết cuộc sống gia đình chị B không hạnh phúc, kinh tế khó khăn nên S hẹn gặp B tại tỉnh Quảng Ninh để đi chơi, B đồng ý. Đến khoảng 13 giờ ngày 19/11/2020, S một mình đi xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WINNERX, màu sơn cam, đen, biển kiểm soát (BKS) 23P1-112.97 từ khu vực cầu Đ, tỉnh Bắc Giang đến phòng trọ gặp B tại khu công nghiệp thành phố L, tỉnh Quảng Ninh (*không rõ địa chỉ cụ thể*) lúc đó khoảng 18 giờ cùng ngày. Tại phòng trọ, B nói "*ở đây có nhiều người quen cùng xã xuống làm thuê, sợ họ nhìn thấy, mình ra ngoài nói chuyện*", S đồng ý và lấy xe máy đưa chị B đến một cây cầu vượt cách phòng trọ của B khoảng 500m. Qua tâm sự, S nói muốn lấy B về làm vợ nhưng chị B không tin. Lúc này S nảy sinh ý định nhờ chị Vừ Thị D1 (dân tộc Mông, Trung Quốc đã quen từ trước) để giả vờ làm mẹ của S và nói chuyện với B, thì B đồng ý quay về phòng trọ lấy quần áo đi cùng S đến địa phận tỉnh Bắc Ninh khoảng 21 giờ cùng ngày và thuê phòng nghỉ qua đêm.

Sáng ngày 20/11/2020, S đưa B đến bến xe M, thành phố Hà Nội để gặp bạn, rồi S đi sửa xe máy xong quay lại thấy B đi cùng một người đàn ông lạ mặt, S nghĩ là chồng của B nên không gọi nữa. Sau đó, S đi xe máy về nhà tại thôn H, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang và nhắn tin hỏi B đã về nhà chưa thì B nói đang trên đường lên Hà Giang thăm chị gái. Lúc này S nảy sinh ý định lừa B sang Trung Quốc bán lấy tiền, rồi giả vờ rủ B mai đi huyện B ăn cưới cùng nhau, B đồng ý. Sau đó S gọi cho "D" người Trung Quốc hỏi "*anh có lấy người không*", D nói "*mày có bao nhiêu người*". S nói dối là "*có hai người, một nam, một nữ*", D nói "*nếu là phụ nữ thì chỉ lấy người đã có chồng thôi còn trẻ con không lấy đâu*". S hiểu ngay là "D" mua phụ nữ Việt Nam về làm vợ, rồi 02 người thỏa thuận bán B với giá 16.000 NDT và thống nhất đón B tại biên giới thuộc xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang để đưa sang Trung Quốc bán làm vợ.

Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 21/11/2020, S nhắn tin, thì B nói là đang ở nhà nghỉ gần bến xe khách thành phố Hà Giang, S hẹn cứ chờ ở đó sẽ đến đón, sau đó S một mình đi xe máy BKS 23P1-112.97 từ nhà đến cổng bến xe khách thành phố Hà Giang đón B, rồi 02 người đi theo đường huyện I đến xã N, huyện M, S dừng xe và để túi quần áo của B gửi tại quán sửa xe của anh Hoàng Văn X1, S nói dối là "*để túi đồ ở đây rồi đi lấy vải nhà chị gái và anh rể về bán*", B đồng ý và không nghi ngờ gì. Sau đó, S tiếp tục đưa B qua địa phận các xã V, E, C, huyện Mèo Vạc đến đường bê tông thuộc thôn G, xã P, huyện M khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, đi hết đường bê tông S để xe ở cạnh đường và đưa B đi bộ theo đường mòn qua mốc biên giới 448 sang Trung Quốc, thì thấy "D" đã đứng sẵn ở gần bãi rác chờ, lúc này "D" nói "*hai đứa đi cùng anh xuống lấy vải, chị đang đợi lên ở dưới kia*", rồi cả 03 người đi được khoảng 500m thì gặp 02-03 người đàn ông Trung Quốc, lúc này B nghi ngờ và bỏ chạy về Việt Nam đến chỗ S để xe máy. S cũng quay lại chạy theo, B nói "*anh lừa em đúng không, không phải đi lấy vải mà định bán em đúng không*", thì S không nói gì, B nói "*thôi muện rồi đi tìm nhà nào người dân tộc Mông ngủ nhờ qua đêm rồi về*", S đồng ý và đưa B đến nhà Ly Mí S trú tại thôn T, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang để ngủ nhờ lúc đó khoảng 20 giờ cùng ngày. Tại nhà Ly Mí S2, Hờ Mí S gặp Thò Thị C là vợ của Ly Mí S2, bà Lầu Thị X và 06 người con của Ly Mí S2. Ly Mí S2 hỏi "*muện thế này rồi mày đi đâu về*", Hờ Mí S nói "*tao đi lấy vải về*".

Sau đó, Hờ Mí S và B được vợ chồng Ly Mí S2 lấy cơm cho ăn. Khi ăn cơm xong, B lên gác ngủ cùng con gái Ly Mí S2, còn Hờ Mí S ngủ ở dưới nhà. Lúc này, D gọi điện đến bảo Hờ S tiếp tục đưa B sang Trung Quốc và hẹn nhau ngày hôm sau tiếp tục đưa B đến khu vực bãi rác để trao đổi mua bán. Trong lúc Hờ Mí S nằm một mình thì có nhắn tin qua zalo cho Ly Mí S hỏi ngủ chưa và bảo đến chỗ Hờ Mí S ngủ để nhờ một tý. Khi Ly Mí S2 đến thì Hờ Mí S đã nói rõ cho Ly Mí S2 biết ý định là "*đưa B sang Trung Quốc để bán lấy tiền tiêu*". Ly Mí S2 có hỏi Hờ Mí S rằng "*thế mày định bán bao nhiêu?*", Hờ Mí S nói "*chỉ lấy 23.000.000 đồng thôi*", thấy vậy Ly Mí S2 nói "*mày muốn vào tù à, bán bằng này tiền thì đi buôn bò hai, ba lần là bằng tiền này rồi*". Lúc này, Hờ Mí S và Ly Mí S2 sợ B nghe thấy nên hai người không nói gì thêm và đi ngủ. Khoảng 10 phút sau, Ly Mí S2 nhắn tin qua zalo cho Hờ Mí S để đi ra ngoài nói chuyện tiếp, sau khi nói chuyện xong Hờ Mí S đi vào bếp lửa sưởi và nói chuyện với B, thấy B

cầm điện thoại nhắn tin cho ai đó nên đã giữ luôn điện thoại của B và đi lên gác ngủ.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 22/11/2020, Hồ S ngủ dậy và đi lên gác bảo B là cứ ở đây chờ Hồ Mí S đi lấy vải đến trưa sẽ quay lại đón. Sau đó, Hồ Mí S quay lại quán sửa xe máy anh X1 lấy túi quần áo của B gửi hôm trước, mang đi khoảng 01 km dừng xe kiểm tra thấy không có tài sản gì giá trị nên để luôn ở cạnh đường và đi xe máy về nhà tắm rửa, thay quần áo. Xong Hồ Mí S tiếp tục đi thì chị Ly Thị M, sinh năm 1993 (vợ Hồ Mí S) giấu chìa khóa xe máy không cho đi, nên 02 vợ chồng cãi chửi nhau, sau đó Hồ Mí S lấy luôn chiếc xe máy của chị M mang BKS 23N1-118.55, màu xanh đen bạc, loại xe WAVE ANLPHA, nhãn hiệu HONDA quay lại nhà Ly Mí S khoảng 10 giờ cùng ngày và chỉ thấy có Thò Thị C (vợ Ly Mí S); Vừ Thị B và Vàng Thị V1 (em dâu Ly Mí S2) ở nhà, Hồ Mí S tiếp tục nói dối B là "đi lấy vải" và giả vờ mượn Thò Thị C 01 chiếc quẩy tẩu, 01 con dao và 01 dây cao su, rồi bảo B đeo quẩy tẩu sau lưng, nhằm tránh sự nghi ngờ của Vừ Thị B, sự phát hiện của mọi người xung quanh và cơ quan chức năng rồi đèo B đến gần biên giới dựng xe máy ở cạnh đường và dẫn B đi bộ theo đường mòn lên mốc 457 (Việt Nam-Trung Quốc), thì B nghi ngờ bỏ chạy quay lại nên Hồ Mí S nói dối B là mất chìa khoá và đưa B quay lại nhà Ly Mí S2. Hồ Mí S tiếp tục gọi cho "D" và hẹn gặp tại biên giới khu vực bãi rác gần Trung Quốc. Hồ Mí S nói với D là không đưa được B sang cho "D" thì "D" nói là đã đến đây rồi thì phải cố gắng đưa sang và hỏi xem có nhờ được ai không. Sau đó Hồ Mí S gọi điện qua zalo cho Ly Mí S2 nói "*mày xem có thuyết phục được B để đưa sang Trung Quốc bán không? tao đưa đi hai lần nhưng không được và hứa nếu được sẽ chia cho Ly Mí S2 3.000.000 đồng*" nhưng Ly Mí S2 nói "*nếu tao đưa đi được thì mình chia đôi tiền nhé*", Hồ Mí S đồng ý. Sau đó Ly Mí S2 về nói cho (vợ) Thò Thị C biết rõ là "*Hồ Mí S nhờ vợ chồng mình đưa giúp Vừ Thị B đến biên giới, có người ở đấy đón rồi và hứa sẽ cho tiền*", thấy vậy Thò Thị C đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Ly Mí S2 cùng (vợ) Thò Thị C đã ép Vừ Thị B lên xe máy BKS 23P1-100.88 rồi điều khiển đưa đến khu vực biên giới giao cho người Trung Quốc tên là D. Khi đưa B đi, Ly Mí S2 có gọi lại cho Hồ Mí S nói đã đưa được B đi rồi nên lúc này Hồ Mí S ở lại trên biên giới cùng "D", lúc này "D" muốn nói xem ảnh của B. Sau khi xem ảnh của B, "D" chê B thấp, bé nên chỉ trả 13.000 NDT. Hồ Mí S đồng ý và tìm chỗ nấp ở gần cạnh đường để B không nhìn thấy, còn "D" đi xe máy cách đó một đoạn để đón B.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, nhận được người Vừ Thị B, "D" đưa lên xe máy và đi qua ném bọc tiền trả cho Hồ Mí S ẩn nấp ở cạnh đường theo đúng thỏa thuận từ trước với nhau là 13.000 NDT. Khi lấy được tiền Hồ Mí S đi bộ quay về Việt Nam khoảng 100m thì gặp Ly Mí S2, hai người đi khoảng 15m thì gặp Thò Thị C đang đứng đợi, sau đó cả ba cùng tiếp tục đi về phía Việt Nam, C đi trước, Ly Mí S2 và Hồ Mí S đi sau thì "D" gọi điện cho Hồ Mí S nói B đã bỏ chạy và trốn rồi yêu cầu trả lại tiền, Hồ Mí S có đưa điện thoại sang Ly Mí S2 nghe, S2 nói là đã giao người rồi nên không biết việc này. Khi đến chỗ để xe máy thì Ly Mí S2 và C về trước, còn Hồ Mí S đi bộ thêm một đoạn đến chỗ để xe máy thì đi về nhà ở của (Ly Mí Sính và Thò Thị Cho) tại thôn T, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang khoảng 20 giờ cùng ngày. Lúc này, Thò Thị C xuống bếp nấu cơm, còn Hồ Mí S và Ly Mí S2

ngồi nói chuyện ở trên nhà thì Ly Mí S2 nói việc này đã bị lộ nên không yêu cầu chia đôi nữa mà chỉ lấy tiền công là 2.000 NDT, Hồ Mí S đồng ý và chia cho vợ chồng S2, C số tiền là 2.000 NDT rồi đi về nhà, trên đường về thì "D" gọi điện đòi trả lại tiền vì B đã bỏ trốn, nên Hồ Mí S quay lại khu vực biên giới trả lại 11.000 NDT cho "D".

Còn đối với Vũ Thị B sau khi bị đưa lên xe máy của người tên "D" và điều khiển đi được khoảng 10 phút theo hướng vào nội địa Trung Quốc, thì "B" dùng 02 tay bịt mắt người này lại làm cả 02 người bị ngã xe máy, lợi dụng cơ hội đó Vũ Thị B chạy vào chốt của lực lượng chức năng Trung Quốc, đến sáng ngày 23/11/2020 được lực lượng chức năng Trung Quốc và người dân hướng dẫn cho B đi theo đường mòn biên giới về Việt Nam và đến Đoàn Biên phòng C trình báo toàn bộ sự việc.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS.P2 ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Hồ Mí S và Thò Thị C về tội "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Hồ Mí S xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Thò Thị C khai nhận chỉ đi cùng chồng là Ly Mí S2 đưa B qua biên giới để lấy vải chứ không biết việc đưa B qua biên giới để bán cho người đàn ông Trung Quốc, không biết thỏa thuận giữa Hồ Mí S và Ly Mí S2, không biết việc được Hồ Mí S trả tiền công, cũng không được sử dụng số tiền 2.000 NDT mà Hồ Mí S đưa, nên bị cáo cho rằng mình không phạm tội Mua bán người. Tuy nhiên, từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại Vũ Thị B trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, kết quả đối chất giữa bị cáo C và bị hại B tại phiên tòa, bị cáo C đã phải xác nhận bản thân bị cáo đã trực tiếp cùng chồng là Ly Mí S2 đưa bị hại B lên khu vực giáp biên giới, là người trực tiếp đưa bị hại đi qua biên giới, trên đường đi bị hại B không nhất trí đi tiếp nên bị cáo đã gọi điện cho Ly Mí S2 đến giúp, sau đó cả hai người đã cùng đưa bị hại B giao cho người đàn ông Trung Quốc, sau khi giao người xong thấy người đàn ông Trung Quốc đưa bị hại B đi hai vợ chồng mới quay về Việt Nam. Tại phiên tòa bị cáo xác nhận hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật hình sự và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Vũ Thị B có ý kiến: xác nhận chính bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C là người đã đưa bị hại qua biên giới để giao cho người đàn ông Trung Quốc (trong đó bị cáo Hồ Mí S 02 lần đưa bị hại qua biên giới nhưng bị hại đã bỏ chạy quay về Việt Nam, bị cáo Thò Thị C là người đã cùng chồng là Ly Mí S2 đã ép bị hại lên xe máy để đưa bị hại qua biên giới và giao cho người đàn ông Trung Quốc); về vật chứng đề nghị được trả lại các vật chứng đã thu giữ thuộc quyền sở hữu của bị hại; về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm số tiền là 10.000.000 đồng; tổn hại sức khỏe, tinh thần số tiền là 10.000.000 đồng và tiền chi phí đi lại từ huyện M, tỉnh Hà Giang về xã P, huyện S, tỉnh Sơn La và ngược lại số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Tại phiên toà về phân trách nhiệm dân sự các bị cáo và bị hại đã thoả thuận, thống nhất được với nhau cụ thể như sau: bị cáo Hồ Mí S nhất trí bồi thường cho bị hại B số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo Thò Thị C nhất trí bồi thường cho bị hại B số tiền là 10.000.000 đồng. Đồng thời, bị hại B xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C phạm tội "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồ Mí S từ 10 năm đến 11 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 03/12/2020; xử phạt bị cáo Thò Thị C từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 04/12/2020.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà Nước gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ANLPHA, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 23N1-118.55; 01 chiếc chìa khoá xe moto hai bánh bằng kim loại màu trắng có dây số Q176, có phần tay cầm bằng nhựa màu đen có chữ HONDA; 01 chứng nhận đăng ký xe máy số 009020 mang tên Hoàng Xuân Đ, do Công an huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 04/6/2019; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1-100.88; 01 chiếc chìa khoá xe máy bằng kim loại màu trắng có phần tay cầm bằng nhựa màu đen có chữ HONDA.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ NOKIA, vỏ mặt màu xanh của Hồ Mí S; 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt màu đen, có nhiều vết nứt, vỡ của Thò Thị C; 01 chiếc quây tầu (gùi) bằng tre màu vàng, chiều cao 50cm, có hai quai đeo bằng dây dứa, quây tầu đã bị rách không có giá trị sử dụng; 01 USB loại 16GB.

Trả lại cho bị hại Vừ Thị B 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt sau màu đen; 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ NOKIA, vỏ mặt sau màu đen; 01 bộ sạc pin điện thoại có dây sạc (củ sạc và dây sạc) màu trắng, bên trên củ sạc có in dòng chữ OPPO màu đen; 01 chiếc chìa khoá bằng kim loại; màu bạc, dài 4,7cm có in nổi dòng chữ "VIETPHAP" được buộc vào 01 đoạn dây màu xanh (lá cây) đỏ, có chiều dài 21cm.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C phải bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho bị hại với mức bồi thường cho thoả đáng.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: hành vi phạm tội của các bị cáo là rõ ràng, các bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán người" theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hậu quả gây ra không lớn, bị cáo C trình độ văn hóa thấp, gia đình thuộc hộ cận nghèo, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có 06 con nhỏ hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Mí S xử phạt bị cáo S từ 08 đến 09 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thò Thị C xử phạt bị cáo C từ 06 đến 07 năm tù. Về vật chứng đề nghị trả lại cho gia đình bị cáo S 01 chiếc xe máy BKS 23N1-118.55. Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa các bị cáo và bị hại đã thoả thuận với nhau về bồi thường thiệt hại nên đề nghị HĐXX xem xét công nhận. Về án phí: đề nghị miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại có ý kiến: nhất trí với việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội "Mua bán người" và việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đã nhận ra lỗi lầm, tự nguyện thoả thuận bồi thường dân sự cho bị hại nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về vật chứng: đề nghị HĐXX xem xét trả lại các vật chứng đã thu giữ thuộc sở hữu của bị hại B.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX xem xét, công nhận sự thoả thuận giữa các bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là bà Lầu Thị X không có lý do. HĐXX xét thấy người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh: tại phiên tòa các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C đã xác nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai bị hại Vũ Thị B, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với kết quả xác định hiện trường, kết quả khám xét, kết quả nhận dạng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Hồ Mí S lợi dụng việc quen biết với bị hại là Vũ Thị B qua mạng xã hội facebook, S đã dùng thủ đoạn tán tỉnh, yêu đương và hứa là sẽ lấy bị hại về làm vợ để lừa đưa bị hại sang Trung Quốc bán cho một người đàn ông tên là "D" nhằm mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân. Ngày 21/11/2020, S sử dụng xe máy biển kiểm soát (BKS) 23P1-112.97 đón B từ bến xe khách Hà Giang đi lên huyện M, khi đi đến địa phận thôn G, xã P, huyện M là khoảng 18 giờ 30 phút S để xe máy cạnh đường bê tông, nói dối B là đi lấy vải nhà anh chị về bán và đưa B đi bộ theo đường mòn qua mốc biên giới 448 sang Trung Quốc, khi thấy một số người Trung Quốc thì B nghi ngờ và bỏ chạy về Việt Nam. Sau đó S đưa B về nhà Ly Mí S2, Thò Thị C ở thôn T, xã P, huyện M để nghỉ qua đêm. Đến 10 giờ ngày 22/11/2020, S tiếp tục nói dối B là đi lấy vải và giả vờ mượn của C 01 chiếc quần tầu, 01 con dao, 01 dây cao su, S sử dụng xe máy BKS 23N1-118.55 bảo B ngồi sau đeo quần tầu và chở B đến gần biên giới để xe máy ở cạnh đường rồi đưa B đi bộ theo đường mòn qua mốc 457 sang Trung Quốc thì B nghi ngờ và bỏ chạy quay lại nhà Ly Mí S2, Thò Thị C. Sau đó Hồ Mí S gọi điện thoại cho Ly Mí S2 để nhờ vợ chồng S2 đưa B sang Trung Quốc và hứa trả tiền công, Ly Mí S2 nói lại với vợ và được Thò Thị C đồng ý. Đến 16 giờ cùng ngày Ly Mí S2, Thò Thị C ép Vũ Thị B lên xe máy BKS 23P1-100.88 rồi điều khiển xe máy đưa đến khu vực biên giới qua mốc 443 sang Trung Quốc giao cho người đàn ông tên "D", lúc đó khoảng 18 giờ. Sau đó Hồ Mí S đã nhận được 13.000 NDT từ người đàn ông tên "D", S đã chia cho vợ chồng S2, C 2.000 NDT. Trên đường đưa B vào trong nội địa Trung Quốc do B bỏ trốn nên người đàn ông tên "D" đã gọi điện cho S đòi lại tiền nên S đã quay lại biên giới và trả lại số tiền là 11.000 NDT cho người đàn ông Trung Quốc tên là "D".

[5] Hành vi của các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C như đã nêu ở trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán người", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo: hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân đã được pháp luật bảo vệ, xem phụ nữ như một món hàng hóa, mua bán lấy tiền, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình an ninh ở địa phương, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bản

thân các bị cáo là người khoẻ mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc làm của mình là sai trái nhưng vì vụ lợi cá nhân mà coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội với một thời hạn thích hợp đối với từng bị cáo cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: bị cáo Hồ Mí S là người khởi xướng và giữ vai trò chính, S đã trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi đưa bị hại B sang Trung Quốc để bán nhưng không thực hiện được do bị hại nghi ngờ và bỏ chạy về Việt Nam, bị cáo không dừng lại mà vẫn tiếp tục lôi kéo để Ly Mí S2 và Thò Thị C giúp thực hiện việc đưa bị hại B sang Trung Quốc bán, nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hồ Mí S phải cao hơn các bị cáo khác; đối với bị cáo Thò Thị C là người thực hành có vai trò thứ yếu, sau khi được chồng là Ly Mí S2 nói biết là Hồ Mí S nhờ và hứa trả tiền công để đưa B qua biên giới, do hám lợi bị cáo đã trực tiếp cùng với chồng là Ly Mí S2 ép bị hại lên xe máy đưa bị hại B vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc giao cho người đàn ông Trung Quốc tên "D" và đã được Hồ Mí S trả số tiền công là 2.000 NDT nên hình phạt đối với bị cáo C cần áp dụng với mức thấp hơn so với bị cáo Hồ Mí S.

[8] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[9] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[10] Đối với bị cáo Hồ Mí S: như phân tích tại đoạn [7], trong vụ án này S đã trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi đưa bị hại B sang Trung Quốc để bán nhưng không thực hiện được do bị hại B nghi ngờ và bỏ chạy về Việt Nam, nhưng bị cáo S không dừng lại mà vẫn tiếp tục lôi kéo và hứa sẽ trả tiền công để Ly Mí S2 và Thò Thị C giúp thực hiện việc đưa bị hại B sang Trung Quốc bán, điều này đã thể hiện quyết tâm phạm tội cao, thực hiện bằng được tội phạm của bị cáo S. Do đó, bị cáo S phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Đối với bị cáo Thò Thị C: không.

[12] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, sinh sống tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo C trình độ văn hóa thấp, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[13] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[14] Cần tiếp tục ra quyết định tạm giam đối với các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[15] Về vật chứng của vụ án

[16] Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ANLPHA, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 23N1-118.55 mang tên Hoàng Xuân Đức, đây là chiếc xe bị cáo đã sử dụng để đưa bị hại sang Trung Quốc. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S và chị Ly Thị M (vợ bị cáo) không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh chiếc xe máy này là tài sản riêng của chị M, nên cần xác định đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và tịch thu sung ngân sách nhà nước cùng các đồ vật, giấy tờ có liên quan.

[17] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WEVERSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1-100.88 mang tên Thào Mí P2, đây là chiếc xe mà Ly Mí S2, Thò Thị C sử dụng để đưa bị hại B sang Trung quốc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước cùng các đồ vật, giấy tờ có liên quan.

[18] Đối với chiếc điện thoại 01 điện thoại di động, mặt sau có chữ NOKIA, vỏ mặt sau màu xanh, máy đã qua sử dụng của Hờ Mí S; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt sau màu đen, có nhiều vết nứt vỡ, máy đã qua sử dụng của Thò Thị C. Đây là các vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[19] Đối với 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt sau màu đen, máy đã qua sử dụng; 01 bộ sạc pin điện thoại có dây (củ sạc và dây sạc) màu trắng, bên trên củ sạc có in dòng chữ OPPO màu đen, bộ sạc đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động, bàn phím bấm màu đen, nhãn hiệu NOKIA, điện thoại đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khoá bằng kim loại; màu bạc, dài 4,7cm có in nổi dòng chữ "VIETPHAP" được buộc vào 01 đoạn dây màu xanh (lá cây) đỏ, có chiều dài 2,1cm, đây là tài sản được xác định là thuộc quyền sở hữu của chị Vừ Thị B nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[20] Đối với 01 chiếc quây tầu (gùi) bằng tre màu vàng, chiều cao 50cm, có hai quai đeo bằng dây dứa, quây tầu đã bị rách; 01 chiếc USB có chứa hình ảnh được trích xuất từ cửa hàng xăng dầu 27, xã M, huyện I, tỉnh Hà Giang, đây là các đồ vật có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[21] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WINNERX, màu sơn đen cam, biển kiểm soát 23P1-112.97 mang tên Hàu Mí S, chiếc xe máy này được xác định là của bị cáo S và bị cáo đã sử dụng để đưa B từ bến xe khách Hà Giang lên biên giới với mục đích là bán cho người Trung Quốc tên D, nhưng bị hại đã bỏ chạy về Việt Nam vào ngày 21/11/2020. Kết quả điều tra cho thấy vào cuối tháng 11/2020, S đã bán chiếc xe máy này cho cửa hàng mua bán xe máy cũ ở km 17 thị trấn X, hiện tại không thu giữ được nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[22] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị hại Vừ Thị B yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng; tổn hại sức khỏe, tinh thần số tiền là 10.000.000 đồng và tiền đi lại cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.000.000 đồng.

[23] Đối với yêu cầu bồi thường của người bị hại Vừ Thị B, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại B đã thoả thuận được với nhau, cụ thể như sau: bị cáo Hờ Mí S nhất trí bồi thường cho bị hại B số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo Thò Thị C nhất

trí bồi thường cho bị hại B số tiền là 10.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên cần được công nhận và xử buộc bị cáo Hồ Mí S phải bồi thường cho người bị hại Vũ Thị B số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo Thò Thị C phải bồi thường cho bị hại Vũ Thị B số tiền là 10.000.000 đồng.

[24] Đối với số tiền 13.000 NDT mà bị cáo Hồ Mí S được người đàn ông Trung Quốc tên là "D" trả sau khi bán Vũ Thị B, S đã dùng 2.000 NDT trả tiền công cho vợ chồng Ly Mí S2, Thò Thị C (Ly Mí S2 là người nhận số tiền này), số tiền còn lại là 11.000 NDT Hồ Mí S đã bị người đàn ông Trung Quốc tên là "D" đòi trả lại tiền vì bị hại B đã bỏ trốn, nên bị cáo S quay lại khu vực biên giới trả lại 11.000 NDT. Xét thấy số tiền trên do phạm tội mà có nhưng bị cáo S chưa sử dụng, chưa được hưởng lợi nên không cần truy thu khoản tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo S.

[25] Đối với khoản tiền 2.000 NDT mà bị cáo Hồ Mí S đã đưa cho Ly Mí S2 để trả tiền công đưa bị hại B qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, bị cáo C không biết và không được hưởng lợi từ số tiền này, Ly Mí S2 sau khi nhận số tiền là 2.000 NDT đã bỏ trốn khỏi địa phương nên HĐXX xét thấy không cần áp dụng biện pháp truy thu số tiền 2.000 NDT đối với Thò Thị C.

[26] Đối với đối tượng Ly Mí S2 (chồng của bị cáo Thò Thị C) là người trực tiếp cùng bị cáo Thò Thị C thực hiện hành vi đưa bị hại B qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc giao cho người đàn ông Trung Quốc tên là "D" để được hưởng tiền công, nhưng hiện nay Ly Mí S2 đã bỏ trốn khỏi địa phương không rõ ở đâu, Cơ quan Công an đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để xử lý sau đối với Ly Mí S2 nên không cần đề cập xem xét trong vụ án này.

[27] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên là "D", người này đã trực tiếp giao dịch mua bán với bị cáo Hồ Mí S nhưng bị cáo S cũng không biết chính xác "D" là tên giả hay thật và địa chỉ ở đâu, nên Cơ quan điều tra không có tài liệu và căn cứ để tiến hành điều tra. Do vậy, không có cơ sở để xem xét, xử lý trong vụ án này.

[28] Quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở được chấp nhận.

[29] Chấp nhận một phần ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa; không chấp nhận ý kiến, đề nghị áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự và ý kiến, đề nghị trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 23N1-118.55 cho gia đình bị cáo Hồ Mí S.

[30] Về án phí: các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C sinh sống tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do đó, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo.

[31] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C phạm tội "Mua bán người".

2. Về hình phạt

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm e khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hồ Mí S, xử phạt bị cáo Hồ Mí S 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 03/12/2020

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thò Thị C, xử phạt bị cáo Thò Thị C 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 04/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, quyết định tạm giam đối với các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/6/2021.

3. Về vật chứng

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi dòng chữ: Chiếc điện thoại phát hiện, tạm giữ trên người của Hồ Mí S ngày 03/12/2020, ký hiệu M3, có chữ ký đầy đủ của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn niêm phong của Đoàn Biên phòng C, Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang (bên trong gói niêm phong là 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ NOKIA, vỏ mặt màu xanh);

01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi dòng chữ: Chiếc điện thoại phát hiện, tạm giữ trên người của Thò Thị C ngày 04/12/2020, ký hiệu M4, có chữ ký đầy đủ của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn niêm phong của Đoàn Biên phòng C, Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang (bên trong gói niêm phong là 01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt màu đen, có nhiều vết nứt, vỡ);

01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ANLPHA, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 23N1-118.55, số khung RLHJA3913KY169352, số máy JA39E1027107, yếm trước bị vỡ, xe đã cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khoá xe moto hai bánh bằng kim loại màu trắng có dây số Q176, có phần tay cầm bằng nhựa màu đen có chữ HONDA; 01 chứng nhận đăng ký xe máy số 009020 mang tên Hoàng Xuân Đ, do Công an huyện V, tỉnh Hà Giang cấp ngày 04/6/2019;

01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1-100.88, số khung RLHJC5258DY016830, số máy JC52E6054072, xe không có gương bên phải, gương bên trái bị mất kính, yếm trước bị vỡ, xe đã

cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khóa xe máy bằng kim loại màu trắng có phần tay cầm bằng nhựa màu đen có chữ HONDA.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quây tẩu (gùi) bằng tre màu vàng, chiều cao 50cm, có hai quai đeo bằng dây dứa, quây tẩu đã bị rách; 01 phong bì có niêm phong bên ngoài ghi dòng chữ: Chiếc USB có hình ảnh được trích xuất từ cửa hàng xăng dầu 27, xã M, huyện I, tỉnh Hà Giang, gói niêm phong có chữ ký đầy đủ của thành phần tham gia niêm phong và dấu niêm phong của cửa hàng xăng dầu 27, xã M, huyện I, tỉnh Hà Giang.

3.3. Trả lại cho bị hại Vũ Thị B 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ OPPO, vỏ mặt sau màu đen được để trong 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi dòng chữ: Chiếc điện thoại phát hiện, tạm giữ trên người của Hồ Mí S ngày 03/12/2020, ký hiệu M2, có chữ ký đầy đủ của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn niêm phong của Đoàn Biên phòng C, Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang;

01 chiếc điện thoại di động, mặt sau có chữ NOKIA, vỏ mặt sau màu đen được để trong 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi dòng chữ: Chiếc điện thoại phát hiện tại nhà của Thò Thị C ngày 03/12/2020, ký hiệu M1, có chữ ký đầy đủ của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn niêm phong của UBND xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;

01 bộ sạc pin điện thoại có dây sạc (củ sạc và dây sạc) màu trắng, bên trên củ sạc có in dòng chữ OPPO màu đen, bộ sạc đã qua sử dụng;

01 chiếc chìa khóa bằng kim loại; màu bạc, dài 4,7cm có in nổi dòng chữ "VIETPHAP" được buộc vào 01 đoạn dây màu xanh (lá cây) đỏ, có chiều dài 21cm.

(Tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang)

4. Về trách nhiệm dân sự: công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Hồ Mí S, Thò Thị C và bị hại Vũ Thị B tại phiên tòa, xử buộc bị cáo Hồ Mí S phải bồi thường cho người bị hại Vũ Thị B số tiền là 15.000.000 đồng; bị cáo Thò Thị C phải bồi thường cho bị hại Vũ Thị B số tiền là 10.000.000 đồng.

Số tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01, PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THA.DS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường